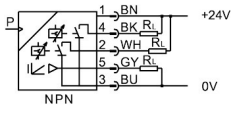


Cảm biến áp suất SPA-W-P16R-G14F-2NA-M12

Số bộ phận: 8022817



Bảng dữ liệu

Đặc tính	Giá trị
Giấy phép	Dấu RCM c UL us - Listed (OL)
Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo chỉ thị EMC của EU theo chỉ thị RoHS của EU
Dấu UKCA (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo quy định UK cho EMV theo các quy định UK RoHS
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS
Kích thước đo	Áp suất tương đối
Phương pháp đo lường	Cảm biến áp suất màng mỏng kim loại
Dải đo áp suất Giá trị ban đầu	0 MPA 0 bar
Giá trị ban đầu dải đo áp suất	0 psi
Dải đo áp suất Giá trị cuối	1.6 MPA 16 bar
Dải đo áp suất giá trị cuối	232 psi
Ap suất quá tải	3.2 MPA
áp suất quá tải	32 bar 464 psi
Môi chất vận hành	Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [-:-:-] môi chất lỏng Môi chất khí
Nhiệt độ trung bình	-20 °C...85 °C
Nhiệt độ môi trường xung quanh	0 °C...80 °C
Độ chính xác theo ±% FS	1 %FS
Độ chính xác lặp lại theo ± %FS	0.15 %FS
Đầu ra chuyển mạch	2xNPN
Chức năng chuyển mạch	Có thể lập trình tự do
Chức năng phần tử chuyển mạch	có thể hoán đổi
Dòng điện đầu ra tối đa	250 mA
Đầu ra tương tự	4 - 20 mA
Thời gian tăng	3 ms
Chống chịu ngắn mạch	có
Dải điện áp hoạt động DC	15 V...35 V
Chống phân cực	cho điện áp hoạt động

Đặc tính	Giá trị
Cổng nối điện 1, kiểu kết nối	Giắc cắm
Cổng nối điện 1, công nghệ kết nối	M12x1 được mã hóa A theo EN 61076-2-101
Cổng nối điện 1, số chân cắm/dây	5
Cổng nối điện 1, kiểu gắn	Khóa vít
Kiểu gắn	với ren trong với phụ kiện
Vị trí lắp đặt	bất kỳ
Cổng nối khí nén	Ren trong G1/4
trọng lượng sản phẩm	230 g
Vật liệu vỏ	ABS thép hợp kim cao không gỉ
Vật liệu tiếp xúc môi chất	thép hợp kim không gỉ
Kiểu hiển thị	gồm 4 chữ số Màn hình LED
(Các) đơn vị có thể hiển thị	MPa bar kPa kg/cm ² psi
Hiển thị trạng thái chuyển mạch	LED đỏ
Các tùy chọn cài đặt	thông qua màn hình và các nút
Chống can thiệp	Mã PIN
Khoảng cài đặt giá trị ngưỡng	0.5 %...100 %
Khoảng cài đặt độ trễ	0.5 %...99.5 %
Mức độ bảo vệ	IP65 IP67
Lớp chống ăn mòn KBK	4 - ứng suất ăn mòn đặc biệt mạnh
Tuân thủ LABS	VDMA24364 Vùng III